

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		16	0	
2		AMD+P7+P1	7:25	21+0+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
3		PPD+BK8+GTC1	7:25	17+0+5	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 2 ppd-bk8
4		RP1+TD3+CTK3	7:25	6+4+12	0+0+0		2+5+15	0+0+0	
5		CNV+CTK3+TD2	9:25	0+20+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	chuyen 2 cnv-ctk3
6		MRM+P4+PPD	9:25	6+7+9	0+0+0		0+11+11	0+0+0	chuyen 2 P4-ppd
7		CLI+BK5	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
8		RC3+BK16+RCDM	11:25	11+5+0	0+0+0		11+5+5	0+0+0	
9		CTK3+BK4+AMD	11:25	15+4+0	0+0+0		11+0+10	0+0+0	
10		CLI	11:25	21	0		22	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	TO: T.UNG	CREW: Toàn - CHIẾN	ETA: 10:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ TUẤN MẠNH	T.UNG					63	PVD	Vietnamese
2	ZELENSKIY	T.UNG	62	1	7	30	78	KH-THAC	Russian
3	PHẠM VĂN THI	T.UNG					70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN QUANG HOA	T.UNG	63	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	KIEU XUÂN TÂM	T.UNG	55	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO DUY TỬ	T.UNG	57	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN TRỌNG	T.UNG	59	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG KIẾN	T.UNG					63	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ DUY DŨNG	T.UNG	56	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HẢI	T.UNG	64	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ MINH HỘI	T.UNG	58	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ ĐĂNG THANH	T.UNG	65	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUANG	T.UNG					68	PSV	Vietnamese
14	PHẠM HÙNG SƠN	T.UNG	60	1	10		56	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚ QUANG	T.UNG	66	1	4		63	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ XUÂN CHÍNH	T.UNG	61	1	7		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	16	12	66	1.082	30	16		
TOTAL		16	12	66	1.082	30	16		
WEIGHT KG				66	1.082	30			

GRAND TOTAL: 1.178 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	TO: AMD - P7 - P1	CREW: Hạnh - MTuấn - THỤ	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH THUONG MAI	AMD	22-23	2	12		60	TLJOC	Vietnamese
2	LE THANH HAI	AMD	20	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG CONG TAN	AMD	13	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM NGOC TUAN	AMD	15	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
5	TANG XUAN HAI	AMD	11	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	AMD	04	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUNG	AMD	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN VAN KHANH	AMD	10	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM TUAN CHUNG	AMD	19	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN VIET	AMD	18	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LE BA HOA	AMD	02	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN TRUONG	AMD	08	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	DO VAN QUANG	AMD	21	1	5		80	PSV	Vietnamese
16	PHAM VAN TUAN	AMD	03	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TAN VUONG	AMD	07	1	5		68	PSV	Vietnamese
18	LE DAC DONG	AMD	16-17	2	7		56	PSV	Vietnamese
19	TRAN NGOC BINH	AMD	09	1	5		68	PSV	Vietnamese
20	LE CONG VIET	AMD	05	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN LAM THANG	AMD	14	1	5		82	PSV	Vietnamese
22	DINH QUANG SON	P1	93-94	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	23	119	1.448	0	17		
2	P7	0	0	0	0	0	4		
3	P1	1	2	17	65	0	1		
TOTAL		22	25	136	1.513	0	22		
WEIGHT KG				136	1.513	0			

GRAND TOAL: 1.649 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: PPD - BK8 - GTC1	CREW: Vận - D Nam - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY LỊCH	PPD	16	1	5	50	72	KH-THAC	Vietnamese
2	PHÙNG PHÚ SỬA	PPD	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	12	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN HAI	PPD	20	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	21	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI NGỌC DUNG	PPD	15	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN GIANG	PPD					52	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG NGỌC TRƯỜNG	PPD	09	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	TRINH DUY NAM	PPD	05	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN TÂN	PPD	13	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC ANH	PPD	08	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐẠI THĂNG	PPD	11	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	PPD	07	1	2		62	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH THĂNG	PPD	18	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	PPD	10	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG TRI DUNG	PPD	14	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LUƠNG VĂN TĂNG	PPD	17	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
18	KURPASHOV	GTC1	36	1	4	45	70	KH-THAC	Russian
19	NGUYỄN HỮU TÂN	GTC1	34	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ TRUNG KIẾN	GTC1	31-32	2	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BÁC	GTC1	33	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGÔ TRUNG LUYỆN	GTC1	35	1	3		74	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	17	16	76	1.112	50	14	2	CHUYEN 2 PAX TU PPD SANG BK8
2	BK8	0	0	0	0	0	0		
3	GTC1	5	6	24	343	45	8		
TOTAL		22	22	100	1.455	95	22		
WEIGHT KG				100	1.455	95			

GRAND TOAL: 1.650 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 04	TO: RP1 - TD3 - CTK3	CREW: Phong - Mạnh - N Nam	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐỨC	RP1	07	1	7		70	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM TIẾN CUÔNG	RP1	10-11	2	18	15	75	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH KHA	RP1	03	1	10	60	67	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM HOÀNG	RP1	04-06	3	12		70	CODIEN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN DUNG	RP1	08-09	2	17		52	CODIEN	Vietnamese
6	LÊ MINH SỸ	RP1	01-02	2	8		72	CODIEN	Vietnamese
7	KARIMOV	TD3	92	1	15		84	D-HANH	Russian
8	VŨ VĂN TIẾN	TD3	94	1	10	15	66	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG ĐÌNH HUY	TD3	93	1	10	30	67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ MINH ĐỨC	TD3	95	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
11	BOGDANOV	CTK3	88	1	10		80	KH-THAC	Russian
12	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	85	1	3		87	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRỊNH QUỐC HUY	CTK3	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN SAU	CTK3	82	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN DUY HÀ	CTK3	80	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	81	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	86	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	83	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HIỀN	CTK3	89	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI HUU HUÂN	CTK3	87	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	84	1	7		87	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	11	72	406	75	2		
2	TD3	4	4	41	294	45	5		
3	CTK3	12	11	64	845	0	15		
TOTAL		22	26	177	1.545	120	22		
WEIGHT KG				177	1.545	120			

GRAND TOAL: 1.842 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	TO: CNV - CTK3 - TD2	CREW: Hạnh - MTuấn - THỤ	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ HUỆ	CTK3	03	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ THANH CHUNG	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	93	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	193-194	2	17		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAM VĂN THANH	CTK3	05	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	83	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	94	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	91	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC KIỆM	CTK3	95	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM TÚ ANH	CTK3	02	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG MINH	CTK3	190-191	2	15		87	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI SỸ LONG	CTK3	04	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN HÈ	CTK3	84	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	96	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ HỮU HÀ	CTK3	89	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MUỘI	CTK3	97	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐO VĂN BÌNH	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐO HỮU ĐỨC	CTK3	195	1	4		87	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NHÂN KHANH	CTK3	192	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH KHÔI	CTK3	92	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	0	0	0	0	40	0	2	CHUYỂN 2 PAX CNV SANG CTK3
2	CTK3	20	20	111	1.445	0	18		
3	TD2	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		20	20	111	1.445	80	22		
WEIGHT KG				111	1.445	80			

GRAND TOAL: 1.636 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: MRM - P4 - PPD	CREW: Vận - D Nam - Luy	ETA: 11:25
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DOAN BUU TAM	MRM	47	1	10		106	KHOAN	Vietnamese
2	DINH QUANG CHIEN	MRM	51	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TINH	MRM	49	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
4	NGO VAN SON	MRM	48	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
5	MAI THE HIEN	MRM	50	1	11		92	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VIET TRUNG	MRM	46	1	12		59	KHOAN	Vietnamese
7	HOANG VAN HONG	P4	26-27	2	12		93	XAYLAP	Vietnamese
8	LE TRUNG HIEU	P4	30	1	7	20	92	XAYLAP	Vietnamese
9	DUONG TUAN VIET	P4	24	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO QUOC HUNG	P4	28	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI DINH THU	P4	29	1	15		69	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN MINH HOANG	P4	25	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN THAI	P4	31	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN HOAI BAO	PPD	43	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN SON	PPD	48	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LAM TRONG DAI	PPD	46	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	42	1	3	5	75	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM LE DUONG	PPD	47	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN DOAN HUONG	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN ANH SON	PPD	98	1	6		65	KHI	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TOAN	PPD	45	1	10		85	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYEN TIEN LONG	PPD	44	1	5		55	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	6	6	58	484	0	0		CHUYEN 2 PAX P4 SANG PPD
2	P4	7	8	86	518	20	11	2	
3	PPD	9	8	48	644	5	11		
TOTAL		22	22	192	1.646	25	22		
WEIGHT KG				192	1.646	25			

GRAND TOAL: 1.863 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: CLI - BK5	CREW: Phong - Mạnh - Nnam	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN CÔNG LAM	CLI	04	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	DUCHENKO A.L.	CLI	16	1	4		129	KH-THAC	Russian
3	KHAVANJAN R.I.	CLI	19-21	3	12		78	KH-THAC	Russian
4	HUYNH KIM KHANH	CLI	15	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VIỆT PHƯƠNG	CLI	22	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH CÔNG	CLI	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUANG TUYẾN	CLI					72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC THẮNG	CLI	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG SOAI	CLI	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG HAI	CLI	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUỐC DŨNG	CLI	23	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU VĂN VƯƠNG	CLI	02-03	2	13	70	66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HAI DƯƠNG	CLI	05-06	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
14	MAI QUỐC HUNG	CLI	14	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VỰ	CLI	01	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TUẤN	CLI	26	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN DÂN	CLI	18	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ LAM ĐIỀN	CLI	24-25	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG ĐÌNH HUÂN	CLI	10	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯU VĂN KHƯƠNG	CLI	07-08	2	6		74	ĐK09	Vietnamese
21	HOÀNG MẠNH THẮNG	CLI	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGỌC TUẤN	BK5	76-77	2	10	30	69	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	26	132	1,575	70	21		
2	BK5	1	2	10	69	30	1		
TOTAL		22	28	142	1,644	100	22		
WEIGHT KG				142	1,644	100			

GRAND TOAL: 1.886 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 08	TO: RC3 - BK16 - RCDM	CREW: Hạnh - MTuấn - THỤ	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN MINH TOÀN	RC3	27	1	12		82	XAYLAP	Vietnamese
2	THÂN VĂN TỊ	RC3	28	1	12		79	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN TUẤT	RC3	36	1	12		80	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HỀ	RC3	32-33	2	16		66	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VĂN HẠNH	RC3	30-31	2	18		81	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG ĐÌNH LỰC	RC3	29	1	12	70	56	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ HUY KHANH	RC3	38-39	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN VĂN SƠN	RC3	37	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CHÍNH	RC3	34	1	17		73	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH HUNG	RC3	35	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN HỘI	RC3	25-26	2	16		50	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN LAM	BK16	800	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ MINH THĂNG	BK16	30	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	58	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG HỮU SƠN	BK16	31	1	5	30	74	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN XUÂN HOA	BK16	99	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	11	15	157	780	70	11		
2	BK16	5	5	28	363	30	5		
3	RCDM	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		16	20	185	1.143	120	21		
WEIGHT KG				185	1.143	120			

GRAND TOAL: 1.448 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 09	TO: CTK3 - BK4 - AMD	CREW: Khang - MTHAO - Luy	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUY TAN	CTK3	13	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM TU ANH	CTK3	16	1	15		65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN TRONG TUAN	CTK3	23	1	10	10	81	CODIEN	Vietnamese
4	LE NGOC ANH	CTK3	07	1	6		70	CODIEN	Vietnamese
5	DOAN TUAN DUONG	CTK3	06	1	18		69	CODIEN	Vietnamese
6	CAO NGOC TRONG	CTK3	17	1	16		77	CODIEN	Vietnamese
7	PANKRATOV	CTK3	20	1	15		103	ANTOAN	Russian
8	VO TIEN PHAT	CTK3	12	1	5	10	67	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN HIEN	CTK3	08-09	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN THANH HUNG	CTK3	26-27	2	11	27	68	NIPI	Vietnamese
11	PHAM NGOC TU	CTK3	25	1	5	10	52	NIPI	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SON	CTK3	14-15	2	15		71	YTE	Vietnamese
13	HOANG THAI LONG	CTK3	18	1	3		59	PSV	Vietnamese
14	HOANG VAN BAC	CTK3					70	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN QUOC VIET	CTK3	19	1	8		56	PSV	Vietnamese
16	LE DAI THANH	CTK3	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	YUKHIMCHUCK	BK4	46	1	8	25	85	KH-THAC	Russian
18	TRAN DUC SON	BK4	47	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH TRUNG	BK4	49	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	DO VAN HIEU	BK4	48	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	18	157	1.120	57	12		
2	BK4	4	4	35	310	25	0		
3	AMD	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		20	22	192	1.430	82	22		
WEIGHT KG				192	1.430	82			

GRAND TOAL: 1.704 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:02
FLIGHT: 10	TO: CLI	CREW: Phong - VLin - NNam	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH TIEN BINH	CLI	47-48	2	12	45	85	KH-THAC	Vietnamese
2	HO HAI HAU	CLI	42	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH THE ANH	CLI	54-55	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
4	DANG MINH TAM	CLI	51-52	2	8		61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TAN HAU	CLI	44	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRONG NGAN	CLI	50	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE NHAT MINH	CLI	45-46	2	11		76	KH-THAC	Vietnamese
8	DOAN MINH DUY	CLI	53	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BINH	CLI	32	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM THANH HAI	CLI	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TA THANH QUANG	CLI	33	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	HO TRUNG QUAN	CLI	36	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI VAN HUY	CLI	35	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TAM	CLI	31,100	2	13		71	YTE	Vietnamese
15	PHAM THANH NHA	CLI	49	1	6		80	PSV	Vietnamese
16	LE CAO HAI	CLI	39	1	7		62	PSV	Vietnamese
17	CAO VIET BAO	CLI	34	1	7		53	PSV	Vietnamese
18	VU HUU TRUONG	CLI	41	1	4		68	PSV	Vietnamese
19	VUONG DUC HUY	CLI	40	1	12		100	PSV	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	CLI	38	1	15		80	PSV	Vietnamese
21	LUU QUY TRUNG	CLI	43	1	6		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLI	21	26	168	1.496	45	22		
	TOTAL	21	26	168	1.496	45	22		
	WEIGHT KG			168	1.496	45			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Bui Thi Thiet Luong

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CLO+TD3+BK3	7:25	14+1+7	0+0+0		0+3+19	0+0+0	CHUYEN 1TD3-BK3
2		BK4+BK3+TD1	7:25	9+0+13	0+0+0		4+4+14	0+0+0	
3		P6+TD2+CLO	7:25	3+8+11	0+0+0		0+7+15	0+0+0	CHUYEN 1 TD2 CLO
4		MRM-P10+P9	9:25	13+9	0+0		12+10	0+0	SUCO MRM
5		P2+BK8+RP3	9:25	17+5+0	0+0+0		17+2+3	0+0+0	
6		BK10+CTK3+BK14	9:25	16+0+6	0+0+0		8+4+7	0+0+0	CHUYEN 2 CTK3-BK14
7		RP2+P2+TD1	11:25	10+5+3	0+0+0		0+11+11	0+0+0	
8		P4+P9	11:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
9		P10+P11+BK4	11:25	16+5+1	0+0+0		14+4+4	0+0+0	

TTBDSX

- 1/ DI VE TRONG NGÀY BK4--4NG
- 2/ TAU VN EXPRESS VỀ NGÀY 15/3 SẼ ĐÓN P2-13 NG, P4-6NG, P8-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: CLO - TD3 - BK3	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIRICHENKO K.P	CLO	83	1	4		80	KHOAN	Russian
2	DATSKO PAVEL	CLO	82	1	12		100	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN TRUNG	CLO	87	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN DUY NAM	CLO	85	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
5	VU MINH TU	CLO	81	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẬU VĂN MINH	CLO	86	1	13		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN CHIEN THẮNG*PK-PVD	CLO	89-90	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN VĂN MẠNH*PK-PVD	CLO	93	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HUY	CLO	95	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	84	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN ĐO	CLO	91	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VIET HÙNG*TN-PVD	CLO	94	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN VĂN VINH	CLO	88	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY KHIEM	CLO	92	1	10		67	D-HANH	Vietnamese
15	LÊ VĂN BẢO	TD3	99	1	12		60	DVL	Vietnamese
16	THAI HAI HA	BK3	17	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ CÔNG VINH	BK3	16	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN BA DUY	BK3	14	1	5		60	KH-T75HA	Vietnamese
19	TRẦN QUANG PHU	BK3	18	1	6	55	63	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THAI NGỌC	BK3	19	1	10		82	CODIEN	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT BÌNH	BK3	15	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	14	15	90	1.026	0	0		CHUYEN 01 PAX TU TD3 SANG BK3
2	TD3	1	1	12	60	0	37	1	
3	BK3	6	6	38	390	55	19		
TOTAL		21	22	140	1.476	55	22		
WEIGHT KG				140	1.476	55			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: BK4 - BK3 - TD1	CREW: HUNG - Dương - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MIRSAYAPOV R.R.	BK4	45	1	4	30	105	D-HANH	Russian
2	NGUYEN TRUONG TUNG	BK4					67	D-HANH	Vietnamese
3	BOMBUROV E.N.	BK4	53	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	DO HIỆP PHU	BK4	56	1	2		50	ANTOAN	Vietnamese
5	TRAN ĐỨC BA	BK4	44	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO VĂN HỘI	BK4	54-55	2	20		74	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK4	58	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG TRUNG HUY	BK4	57	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC	BK4	46	1	7		77	PSV	Vietnamese
10	BACH ANH TUAN	BK4	59	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
11	STESHIN V.B	TD1	21	1	12	40	167	KHOAN	Russian
12	BUI NGOC QUANG	TD1	27	1	20	30	60	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN VIET HUNG	TD1	18	1	9		67	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN DUNG*KT	TD1	19	1	6		68	KHOAN	Vietnamese
15	DO NGUYEN GIAP*PK-PVD	TD1	17	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	DEMIN	TD1	14	1	14		101	KHOAN	Russian
17	LE VAN NGUYEN	TD1	16	1	2		55	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN MINH SON	TD1	15	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
19	MAI ANH TUAN	TD1	24	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
20	TRINH CAO TRONG	TD1	23	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
21	VU MANH HAI	TD1	22	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
22	LE TRONG LUONG	TD1	20	1	2		66	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	10	10	57	762	30	4		
2	BK3	0	0	0	0	0	4		
3	TD1	12	12	97	960	70	14		
TOTAL		22	22	154	1.722	100	22		
WEIGHT KG				154	1.722				

GRAND TOAL: 1.946 KGS + 30kg.

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P6 - TD2 - CLO	CREW: Hạnh - CHIẾN - N.Nam	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HOANG NGUYEN	P6	61	1	3		67	D-HANH	Vietnamese
2	CHULKOV	P6	51	1	10	40	77	NIPI	Russian
3	NGUYEN TIEN DUNG	P6	01	1	3		68	NIPI	Vietnamese
4	DOAN MINH QUANG	TD2	34-35	2	14		76	ĐKVN	Vietnamese
5	TRAN HUYNH LAM	TD2	33	1	7	20	75	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN MANH HUNG	TD2	89	1	5	16	60	KH-THAC	Vietnamese
7	VOEVODCHENKOV N. V	TD2	37	1	4		95	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN HOANG KHA	TD2	32	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LUU TIEN THANH	TD2	31	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUANG HOANG	TD2	36	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUNG	TD2	90	1	9		75	PSV	Vietnamese
12	MAKAROV	CLO	43	1	7		90	ANTOAN	Russian
13	NGUYEN TUAN DUONG	CLO	49	1	7		70	DVL	Vietnamese
14	TONG TIEN QUANG	CLO	51	1	16		75	DVL	Vietnamese
15	VU HAI THANG	CLO	52	1	11		73	DVL	Vietnamese
16	LY NHAT TRUONG	CLO	47	1	14		77	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VINH KHA	CLO	46	1	15		70	DVL	Vietnamese
18	PHAM XUAN HUNG	CLO	50	1	10		72	DVL	Vietnamese
19	VU MANH NAM	CLO	48	1	10		70	DVL	Vietnamese
20	TRAN ANH TUAN	CLO	44	1	6		75	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN VAN NAM KS	CLO	45	1	14		71	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HIEU	CLO	53	1	12		84	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	3	3	16	212	40	0		CHUYEN 1 PAX TU TD2 SANG CLO
2	TD2	8	9	61	594	36	7+1		
3	CLO	11	11	122	827	0	15		
TOTAL		22	23	199	1.633	76	22		
WEIGHT KG				199	1.633	76			

GRAND TOAL: 1.908 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 4	TO: MRM - P10 - P9	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 11:10
C&M-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZHDANOV	MRM	49	1	14		122	KHOAN	Russian
2	LÊ HOÀNG THI	P10	99	1	5	100	68	KHOAN	Vietnamese
3	BADIKOV M.F.	P10	400	1	5		71	KH-THAC	Russian
4	VŨ NGUYỄN TRUNG	P10					49	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HƯƠNG	P10	91	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VŨ KIÊN	P10	94	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ HÙNG	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN THẮNG	P10	95	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ĐĂNG HOÀNG	P10	96	1	4	42	69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P10	92	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG SỸ NGUYỄN	P10	97	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG VĂN HỘI	P10	98	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC PHI	P10	93	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA THANH	P9	80	1	5	15	70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN QUÊ	P9	81	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN THANH HAI	P9	82	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN DUY ANH	P9	76	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG THẾ DUNG	P9	79	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ LĂNG TU	P9	75	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN XUÂN HƯƠNG	P9	77	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LINH	P9	83	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ NAM GIANG	P9	78	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	1	1	14	122	0	1		
2	P10	12	10	63	843	142	12		
3	P9	9	9	54	638	15	9		
TOTAL		22	20	131	1.603	157	22		
WEIGHT KG				131	1.603	157			

GRAND TOAL: 1.891 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 5	TO: P2 - BK8 - RP3	CREW: HUNG - Duong - Toan	ETA: 11:15
HONG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ĐỨC HOÀNG	P2	57	1	5		67	KHI	Vietnamese
2	PARSHIN	P2	47,48	2	15		85	KH-THAC	Russian
3	VU VAN CUONG	P2	52	1	4		89	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM XUAN VINH PHUC	P2	50	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN ĐANG	P2	22	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ CÔNG ANH	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
7	BIÊN ĐĂNG SÂM	P2	54	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRI HAO	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
9	VÔ XUÂN TUÂN	P2	55	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUYẾT CHIẾN	P2	53	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN PHONG	P2	56	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN SOAI	P2	45	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG QUANG TÊ	P2	49	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM HIỆN TRƯỞNG	P2	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P2	23	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MINH QUÂN	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN THUY	P2	46	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
18	TRƯƠNG THẾ VINH	BK8	01	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH THUẬN	BK8	99,700	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI HOANG TÂM	BK8	98	1	8	35	75	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ VĂN ĐÔNG	BK8	02	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	CHERNIAVSKY	BK8	600	1	10		109	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	17	15	94	1.219	0	17		
2	BK8	5	6	40	377	35	2		
3	RP3	0	0	0	0	50	3		
TOTAL		22	21	134	1.596	85	22		
WEIGHT KG				134	1.596	85			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: BK10 - CTK3 - BK14	CREW: Hạnh - CHIẾN - N.Nam	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK10	30	1	4		65	D-HANH	Vietnamese
2	ĐỖ TUẤN VIỆT	BK10	33	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGHIÊM XUÂN ANH	BK10	32	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK10					74	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN HỒNG	BK10	32	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN CÔNG HOÀN	BK10	18	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN CHAU NAM	BK10	34	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN XUÂN CUƠNG	BK10	22	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN HOÀN	BK10	26-27	2	13		55	CODIEN	Vietnamese
10	LÊ HUY BẮC	BK10	23-24	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
11	TRẦN PHÚ	BK10	18	1	15	58	72	CODIEN	Vietnamese
12	CAO QUANG HUNG	BK10	35	1	9	33	110	CODIEN	Vietnamese
13	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	BK10	17	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
14	BESPALOV	BK10	21	1	5		84	NIPI	Russian
15	CHERNIADEV	BK10	29	1	5		72	NIPI	Russian
16	MAI CAO ĐỊNH	BK10	19-20	2	15		57	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VIỆT HỒ	BK14	30	1	12		67	DVL	Vietnamese
18	MAI VĂN DƯƠNG	BK14	09-10	2	12		80	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN NGỌC	BK14	08	1	5	30	62	DVL	Vietnamese
20	TRƯƠNG ĐÌNH VINH	BK14	12	1	12		77	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	BK14	98-99	2	14		72	DVL	Vietnamese
22	BUI ĐÌNH PHI	BK14	03,100	2	18		64	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	16	18	131	1.138	91	8		CHUYEN 2 PAX CTK3 SANG BK14
2	CTK3	0	0	0	0	0	4	2	
3	BK14	6	9	73	422	30	7		
TOTAL		22	27	204	1.560	121	19		
WEIGHT KG				204	1.560	121			

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 7	TO: RP2 - P2 - BK4 - TD1	CREW: Khang - MTHAO - Năm	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG NGỌC CƯỜNG	RP2	50-51	2	15	15	80	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐÀO NGỌC HẢI	RP2	45	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TRÁ	RP2	44	1	8		82	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN BA ĐÔNG	RP2	48	1	8		64	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HẢI LINH	RP2	49	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP2	58-59	2	22		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN HẢI BĂNG	RP2	46-47	2	19		59	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUANG TUẤN	RP2	56-57	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN ANH	RP2	52-53	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM HỒNG VŨ	RP2	54-55	2	22		45	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐỨC DỤC	P2				15	75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH UT	P2	47	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THANH TRUNG	P2	48	1	13	8	77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐỨC	P2					75	T-TIN	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC VIỆN	BK4	63	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD1	29	1	8		70	D-HANH	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC SƠN	TD1	35	1	15		65	DVL	Vietnamese
18	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	TD1	36	1	9		61	YTE	Vietnamese
19	VŨ VĂN NAM	TD1	31	1	3	15	80	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG VAN MINH	TD1	30	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN HUU HA	TD1	32-33	2	21		72	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HUU VIET	TD1	34	1	16		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	10	16	150	695	15	0		
2	P2	4	2	19	292	23	8		
3	BK4	1	1	5	68	0	0		
4	TD1	7	8	76	480	15	11		
TOTAL		22	27	250	1.535	53	19		
WEIGHT KG				250	1.535	53			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 8	TO: P4 - P9	CREW: HUNG - MTuấn - THU	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐÀO AN TUẤN	P4	06	1	6	20	50	XAYLAP	Vietnamese
2	HOÀNG NGỌC HOÀI	P4	09	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH HÙNG	P4	10-11	2	17	17	74	XAYLAP	Vietnamese
4	HOÀNG THANH SƠN	P4	07	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN MẠNH DŨNG	P4	08	1	8		68	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀI THANH	P9	95	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	86	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐÀ KHA	P9	91	1	3		86	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH THẾ NHAN	P9	93	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	P9	99	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH HIỀN	P9	85	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN HUY	P9	87	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HỮU TRI	P9	97	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
14	HUỖ SẦY	P9	94	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI CÔNG THẮNG	P9	90	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG ĐỨC HAI	P9	41	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC ĐỘ	P9	800	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM TIỀN PHƯỢNG	P9	92	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRỊNH HUY KIỆM	P9					76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	P9	96	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	HỒ ĐỨC HIỀN	P9	88-89	2	13		51	YTE	Vietnamese
22	BUI ĐẶC CĂN	P9	98	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	6	51	321	37	4		
2	P9	17	17	85	1.161	0	18		
TOTAL		22	23	136	1.482	37	22		
WEIGHT KG				136	1.482	37			

GRAND TOAL: 1.655 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:40
FLIGHT: 9	TO: P10 - P11 - BK4	CREW: HỒi - CHIẾN - N.Nam	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẬU THÈ HAI	P10	42	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ BẢO TRUNG	P10	44	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN KHÁNH TOÀN	P10	43	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH XUÂN QUÂN	P10	40	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ TRƯỜNG THỊNH	P10	37	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUAN	P10	48	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU TRI	P10	46	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ ĐÌNH QUANG	P10	39	1	9	20	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ANH	P10	35	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN BẢO TOÀN	P10	38	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ LỆNH ĐẠO	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
12	HUYNH CÔNG VĂN	P10	45	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THAO	P10					65	KH-THAC	Vietnamese
14	AKHMEROV	P10	47	1	7		158	NIPI	Russian
15	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P10	49-50	2	6		60	YTE	Vietnamese
16	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P10	41	1	4		66	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI LAM	P10	36	1	10		66	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ TÂM THUY	P11	07	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TRỌNG BĂNG	P11	08	1	3	80	65	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN KIM NGỌC	P11	22	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN HIỆN	P11	06	1	2		70	PSV	Vietnamese
22	TÔ ĐÌNH TUYẾN	BK4	62	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	17	16	79	1.300	20	14		
2	P11	4	4	13	271	80	4		
3	BK4	1	1	6	72	0	4		
TOTAL		22	21	98	1.643	100	22		
WEIGHT KG				98	1.643	100			

GRAND TOAL: 1.841 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/03/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TD2	7:25	4+18	0+0		2+20	0+0	
2		TTCl+P5+P4	7:25	7+15+0	0+0+0		4+17+1	0+0+0	
3		CLO	7:25	22	0		22	0	
4		TD1+CTK3+BK14	9:25	18+1+3	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
5		VSP01+P8+CNV	9:25	9+13+0	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
6		P6+BK3+BK10	9:25	22+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYEN 1 P6-BK3
7		TGTH4+AMD+HST	11:25	2+17+1	0+0+0		2+17+2	0+0+0	CHUYEN 1 H4-AMD
8		P8+TTCl+TTC2	11:25	11+5+4	0+0+0		8+8+6	0+0+0	
9		CLO+VSP01+P6	11:25	2+10+9	0+0+0		3+3+16	0+0+0	
10		AMD+TGTH5+VSP01	13:25	4+1+10	0+0+0		0+1+20	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY TTC1-4 NG, TTC2-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TTC2 - TD2	CREW: Phog - Dương - Năm	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HUYNH XUÂN TRƯỜNG	TTC2					75	D-HANH	Vietnamese
2	NHÂM ĐIỆN BIÊN	TTC2				40	67	NIPI	Vietnamese
3	HOANG QUỐC BAO	TTC2					70	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VĂN THỰC	TTC2	37	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN HIẾU	TD2	15	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	11	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2				24	68	KHOAN	Vietnamese
8	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	02	1	2	80	78	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	TD2	05	1	5		56	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	01	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THẮNG	TD2	16	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	17	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
14	VÕ SĨ HOÀI THANH	TD2	08	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM MINH THẮNG*PK-PVD	TD2	12-13	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
16	BUI NGOC DUNG	TD2	10	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
17	OLEINHIK I.	TD2	14	1	5		75	KHOAN	Russian
18	PHẠM THANH NHAN	TD2	09	1	5		75	GETRACO	Vietnamese
19	DƯƠNG VĂN PHI	TD2	04	1	5		60	GETRACO	Vietnamese
20	BUI HỮU TRI	TD2	07	1	4		60	GETRACO	Vietnamese
21	BUI SĨ CUƠNG	TD2	06	1	7		60	GETRACO	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CHÍNH	TD2	03	1	6		50	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	1	6	262	40	2		
2	TD2	18	17	84	1.232	104	20		
TOTAL		22	18	90	1.494	144	22		
WEIGHT KG				90	1.494	144			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TTC1 - P5 - P4	CREW: Khang - MThao - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BONDARENKO	TTC1	43	1	5	70	100	KH-THAC	Russian
2	SKOROBOGATKO	TTC1	45	1	5		94	KH-THAC	Russian
3	PASHCHANOV	TTC1	42	1	5		105	KH-THAC	Russian
4	POPOV	TTC1	44	1	5		74	KH-THAC	Russian
5	GOLOVIN	TTC1	41	1	10		110	KH-THAC	Russian
6	ĐINH VĂN THANH	TTC1	40	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM TRUNG THUY	TTC1	38-39	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC LAM	P5	200	1	7	58	70	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC TUÂN	P5	71	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HUNG	P5	72	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THỰC	P5	70	1	14		84	KHOAN	Vietnamese
12	ĐO VĂN PHAN	P5	08	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN MINH HIẾU	P5	07	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG HAO	P5	09	1	7		94	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN QUYẾT TIỀN	P5	69	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHÂN	P5	99	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUÂN	P5	68	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
18	CAO XUÂN CUONG*PK-PVD	P5	67	1	11		65	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ XUÂN TUYẾN	P5					63	KHOAN	Vietnamese
20	ĐOÀN MINH HƯƠNG	P5	13	1	10		60	DVL	Vietnamese
21	ĐÀO VĂN THĂNG	P5	97	1	5		55	PSV	Vietnamese
22	ĐÀO XUÂN THANH	P5	98	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	7	8	46	622	70	4		
2	P5	15	14	87	1.052	58	17		
3	P4	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	133	1.674	128	22		
WEIGHT KG				133	1.674	128			

GRAND TOAL: 1.935 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: CLO	CREW: Vận - N.Anh - Luy	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SUKHOMLIN I.N	CLO	55	1	7		123	KHOAN	Russian
2	NGUYEN MANH CUONG*TT	CLO					86	KHOAN	Vietnamese
3	VU HAI LONG	CLO	60	1	3		73	KHOAN	Vietnamese
4	TRAN VAN KHANG	CLO	61	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN LAP QUOC	CLO	62	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM DUC MINH	CLO	67	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	64	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN NGOC AN	CLO					74	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN QUYNH	CLO	63	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN THE NHU	CLO	59	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN DANG	CLO	68	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC LAI-PVDT	CLO	73	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
13	BUI VAN QUAN	CLO	70	1	15		78	BAKER HU	Vietnamese
14	NGUYEN MANH CUONG	CLO	74	1	12		72	BAKER HU	Vietnamese
15	LE VAN BIEN	CLO	69	1	10		63	BAKER HU	Vietnamese
16	THAI DOAN MAO	CLO	72	1	10		68	BAKER HU	Vietnamese
17	TRAN THANH TAM	CLO	75	1	10		54	BAKER HU	Vietnamese
18	NGO MINH CHANH	CLO	71	1	10		60	BAKER HU	Vietnamese
19	VU XUAN CANH	CLO	66	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	PHAN VINH TRUONG	CLO	65	1	10	74	63	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN DUY QUANG	CLO	56-58	3	15	40	89	YTE	Vietnamese
22	VU HONG OANH	CLO	54	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	22	151	1.575	114	22		
TOTAL		22	22	151	1.575	114	22		
WEIGHT KG				151	1,575	114			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 04	TO: TD1 - CTK3 - BK14	CREW: Phong - Dương - Năm	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TUYNH *TT	TD1	40	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
2	VŨ VĂN QUY	TD1	49	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
3	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	38	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM QUANG ANH	TD1	53-54	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ QUY VINH	TD1	41-42	2	11		71	KHOAN	Vietnamese
6	TRÌNH HUY TOÀN	TD1	50	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	44	1	2		63	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGOC SON	TD1	56	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	55	1	2		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VĂN PHONG	TD1	52	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	43	1	2		62	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ VĂN HẬU	TD1	51	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HẬU-PVDT	TD1	45	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG MINH SƠN	TD1	46	1	5		59	ANTOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG QUỐC ĐẠT	TD1	48	1	13		75	DVL	Vietnamese
16	PHẠM ĐÌNH SINH	TD1	47	1	12		70	DVL	Vietnamese
17	HUYNH VŨ TÍNH	TD1	39	1	10		67	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1					57	PSV	Vietnamese
19	DINH HONG THANG	CTK3				50	70	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	18	19	110	1.209	0	18		+1NB VE: NGOI GHE PHU
2	CTK3	1	0	0	70	50	0		
3	BK14	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		19	19	110	1.279	50	22		
WEIGHT KG				110	1.279	50			

GRAND TOAL: 1.439 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: VSP01 - P8 - CNV	CREW: Khang - MTHAO - Toan	ETA: 11:15
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POPOV A.A.	VSP01	19	1	4	35	115	KH-THAC	Russian
2	PASKEVICH V.V.	VSP01	17	1	12		95	KH-THAC	Russian
3	TRUONG HIEN	VSP01	22	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
4	VO QUANG HUY	VSP01	23	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TRUONG THANH PHU	VSP01					71	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN DUY PHUC	VSP01	20	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	GURIN V.V.	VSP01	18	1	6		101	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN NGOC LAN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN DUY BINH	VSP01	21	1	4		93	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN QUY	P8				40	67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN LOI	P8	91	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	OVCHARENKO A N	P8	92	1	8		84	KH-THAC	Russian
13	HUYNH CHANH PHAT	P8	98	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
14	LUONG VAN QUYET	P8	400	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LE TUAN ANH	P8	97	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LE QUANG HIEN	P8	99	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
17	TIKHOB A H	P8	96	1	4		97	KH-THAC	Russian
18	LE VAN TAN	P8	93	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUOC VIET	P8	94	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU DUNG	P8	43	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NGOC TIEN	P8	95	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN HAI	P8	42	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	9	7	49	778	35	3		
2	P8	13	12	61	902	40	17		
3	CNV	0	0	0	0	50	2		
TOTAL		22	19	110	1.680	125	22		
WEIGHT KG				110	1.680	125			

GRAND TOAL: 1.915 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: P6 - BK3 - BK10	CREW: Vận - N.Anh - Luy	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH QUANG TRUNG	P6	79	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TAI	P6	74	1	5	7	70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TIEN HIỆP	P6	66	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ ĐÌNH SỸ	P6	77-78	2	15	35	70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐỨC HÒE	P6	55	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUAN CƯ	P6	59	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI MẠNH KHANH CƯỜNG	P6	73	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN THIN	P6	56	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHỤ	P6	64	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐOÀ	P6					60	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ THANH ĐỎ	P6	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN HUY HUNG	P6	65	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG THAI SON	P6	57	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐỨC DUNG	P6	70	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
15	LÂM VĂN KHUÔNG	P6	58	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO VĂN SANG	P6	72	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC AN	P6	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐÀO KIM SÂM	P6	62	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HOÀNG TÙNG	P6	61	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN HUY THÔNG	P6	67	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÔNG XUÂN PHÚ	P6	68	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRỌNG	P6	63	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	22	138	1.532	42	18	1	CHUYEN 1 PAX P6 SANG BK3
2	BK3	0	0	0	0	10	0		
3	BK10	0	0	0	0	80	4		
TOTAL		22	22	138	1.532	132	22		
WEIGHT KG				138	1.532	132			

GRAND TOAL: 1.802 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: TGTH4 - AMD - HST	CREW: Hạnh - CHIẾN - N.Nam	ETA: 13:10
NAU-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	TGTH4	96	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TRUNG	TGTH4	95	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI XUÂN TẠO	AMD	33-34	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC TÂM	AMD	25	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH HIẾU	AMD	26	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỒNG LINH	AMD	29	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC HẬU	AMD	30	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẠO ĐỨC HUY	AMD	36	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG HỒ NGHĨA	AMD	32	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC THU	AMD	27	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRƯƠNG THẾ KHAI	AMD	28	1	4	40	72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN LAM	AMD	24	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KHOA	AMD	35	1	8		52	KH-THAC	Vietnamese
14	NGÔ VĂN BẮC	AMD	31	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	40	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LONG	AMD	43	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM TẤT LỰC	AMD	44-46	3	17		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC PHÁT	AMD	37-38	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN DUY DƯƠNG	AMD	39	1	17		68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRINH BICH NGOC	HST	59-60	2	12		70	TLJOC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH4	2	2	14	137	0	2+1		CHUYEN 1 PAX TGTH4 SANG AMD
2	AMD	17	21	148	1.156	40	17		
3	HST	1	2	12	70	0	2		
TOTAL		20	25	174	1.363	40	21		
WEIGHT KG				174	1.363	40			

GRAND TOAL: 1.577 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	TO: P8 - TTC1 - TTC2	CREW: Khang - MTHAC - Toan	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	P8	06	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN ANH ĐỨC	P8	09	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT KHA	P8	05	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HOÀ	P8	04	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH HOANG	P8	03	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH VINH	P8	02	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO ĐỨC THAI	P8	07-08	2	16		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG TIẾN	P8	01	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN QUANG	P8	12	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HẬU	P8	10	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ HUY TÂN	P8	14	1	10		65	YTE	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÍNH	P8	11	1	7	20	64	DK9	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU HẬU	TTC1				5	80	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG LONG HẢI	TTC1	50	1	7	12	91	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NAM TRUNG	TTC1	46-47	2	20	61	88	CODIEN	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	TTC1	48-49	2	20	20	75	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN NAM SƠN	TTC1	45	1	6		82	GETRACO	Vietnamese
18	TÀ MẠNH HÙNG	TTC2	56	1	3	20	64	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUẤN MINH	TTC2	57-58	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HUYNH	TTC2	60	1	4		74	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ NAM	TTC2	59	1	4		48	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	13	76	807	20	8		
2	TTC1	5	6	53	416	98	8		
3	TTC2	4	5	22	266	20	6		
TOTAL		21	24	151	1.489	138	22		
WEIGHT KG				151	1.489	138			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 09	TO: CLO - VSP01 - P6	CREW: Văn - Mạnh - Luy	ETA: 13:20
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN ĐẠI	CLO	80	1	7		70	PSV	Vietnamese
2	LE VAN HAU	VSP01	61	1	7		78	LONG VU	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MIT	VSP01	58	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN NGHĨA	VSP01					78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC BÈ	VSP01	52	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THUƠNG HAI	VSP01	57	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC THÔNG	VSP01	51	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH VĂN THÔN	VSP01					76	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ XUÂN ĐỨC	VSP01	53	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG NAM	VSP01	59-60	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN XUÂN THUY	VSP01					80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA NGỌC	VSP01	54	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P6	92	1	8	57	72	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P6	88-89	2	23	20	53	XAYLAP	Vietnamese
15	BUI VĂN THỊNH	P6	87	1	13		66	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P6	90-91	2	15		89	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THUY	P6	82	1	14		65	XAYLAP	Vietnamese
18	DƯƠNG VĂN TUÂN	P6	85	1	15	15	60	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐINH TIẾN DŨNG	P6	93	1	8	38	78	T-TIN	Vietnamese
20	ĐÀO ĐỨC MINH	P6	94-95	2	20		75	T-TIN	Vietnamese
21	NGUYỄN NGÔ HOÀN	P6	83-84	2	10		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	1	1	7	70	0	2		
2	VSP01	11	9	53	799	0	3		
3	P6	9	13	126	624	130	16		
TOTAL		21	23	186	1.493	130	21		
WEIGHT KG				186	1.493	130			

GRAND TOAL: 1.809 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	TO: AMD - TGTH5 - VSP01	CREW: Hạnh - CHIẾN - N.Nam	ETA: 15:10
XANH-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN ĐÌNH DUNG	AMD	47-48	2	20		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN ĐOÀN HA	AMD	49-50	2	12		89	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN VĂN TOÀN	AMD	51-52	2	20		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LÀ TUẤN LINH	AMD	53	1	6	22	66	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	TGTH5	99	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ANH THẮNG	VSP01	74	1	5	25	67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG LONG	VSP01	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN VIỆT ĐĂNG	VSP01	77-78	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ANH TUẤN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUY BÌNH	VSP01	76	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TRƯỞNG	VSP01	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN THUY	VSP01	62	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUỐC TUẤN	VSP01	73	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ QUANG THANH	VSP01	63-64	2	9		68	YTE	Vietnamese
15	DO VAN HAI	VSP01	70	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN HUY THONG	VSP01				35	74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THAI NGOC	VSP01	68-69	2	18		71	KH-THAC	Vietnamese
18	VO NGOC PHU	VSP01	66-67	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN KHOI	VSP01	71	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN MANH	VSP01	72	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HAI	VSP01	65	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN VĂN CUONG	VSP01	85	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	4	7	58	277	22	0		
2	TGTH5	1	1	5	56	0	1		
3	VSP01	17	19	112	1.139	60	20		
TOTAL		22	27	175	1.472	82	21		
WEIGHT KG				175	1.472	82			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 18/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T03 PPD+TD2	7:25	3+16	0+0		1+21	0+0	Số CG 773

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 18/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TD3 - PPD - TD2	CREW: Phong - NPhú - Năm	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI TUAN KIET	TD3	34	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	NG TRONG HUE	TD3	800	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
3	NG NAM CUONG	TD3	33	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN MINH	PPD	52	1	5		85	KHI	Vietnamese
5	TRAN KHOA TRUONG	PPD	50	1	8	20	74	NIPI	Vietnamese
6	TRAN VAN LINH	PPD	51	1	5		75	NIPI	Vietnamese
7	LE MINH ĐỨC	TD2	31	1	6		92	KHOAN	Vietnamese
8	LE ĐỨC THO	TD2	26	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	VU THAP TOAN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN NAM	TD2					80	KHOAN	Vietnamese
11	VU ĐỨC THANH	TD2	34	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
12	HA VAN LINH	TD2	35	1	13		90	KHOAN	Vietnamese
13	MAI ĐỨC THÂN	TD2	24	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	ĐINH VĂN TÀI	TD2	32	1	2		50	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN CHI ĐỨC	TD2	33	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN DUAN	TD2	30	1	4	100	67	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN THANH*CAM-PVDT	TD2	39	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM VAN MINH	TD2	25	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM VIET BE NGHIA	TD2	36-37	2	17		70	BAKER HU	Vietnamese
20	VU THANH DUONG	TD2	29	1	8		80	DVL	Vietnamese
21	TRAN VAN GIANG	TD2	38	1	7		72	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN QUANG HOAN	TD2	27-28	2	15		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	3	3	29	208	0	0		
2	PPD	3	3	18	234	20	1		
3	TD2	16	16	102	1.151	100	21		
TOTAL		22	22	149	1.593	120	22		
WEIGHT KG				149	1.593	120			

GRAND TOAL: 1.862 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN